

Bài 6: PHÁP LUẬT VỀ GIẢI THỂ VÀ PHÁ SẢN DOANH NGHIỆP**Nội dung**

- Pháp luật về giải thể doanh nghiệp
- Pháp luật về phá sản

Mục tiêu

Giúp học viên hiểu được :

- Sự giống và khác nhau giữa giải thể và phá sản;
- Bản chất và vai trò của pháp luật phá sản trong hoạt động kinh doanh;
- Trình tự tiến hành giải thể và phá sản doanh nghiệp.

Thời lượng

- 8 tiết

Hướng dẫn học

Để học tốt bài này, học viên cần thực hiện các công việc sau:

- Đọc kỹ Bài 6: Pháp luật về giải thể và phá sản doanh nghiệp.
- Tích cực thảo luận với giáo viên và học viên qua mạng Internet.
- Đọc Luật Phá sản 2004 và Luật Doanh nghiệp 2005.

TÌNH HUỐNG KHỞI ĐỘNG BÀI**Tình huống**

Công ty BTN bán hàng cho công ty XYZ. Mặc dù đã nhiều lần gửi công văn đề nghị XYZ thanh toán tiền hàng nhưng công ty này vẫn khất lần không thanh toán. Ba thành viên Bắc, Trung, Nam đã cùng nhau họp và thảo luận các phương án đòi nợ.

Bắc cho rằng cố gắng thuyết phục XYZ thêm một thời gian, nếu không được thì có thể dùng sức mạnh bạo lực để đòi nợ. Bắc có thể thuê được một số đối tượng giang hồ chuyên đòi nợ thuê để bắt nợ hoặc siết nợ công ty XYZ.

Nam đề xuất nhờ đến sự can thiệp của công an phường nơi công ty XYZ có trụ sở chính.

Ý kiến của Trung cho rằng, đưa công ty XYZ ra tòa để tòa án tuyên bố phá sản công ty này. Các thành viên nhất trí với phương án khởi kiện XYZ ra tòa. Tuy nhiên, theo ý kiến của Bắc và Nam thì chỉ có thể yêu cầu tòa án xét xử liên quan đến việc đòi nợ mà không thể yêu cầu tòa mở thủ tục phá sản công ty này như đề xuất của Trung bởi họ biết chắc rằng công ty XYZ không gặp khó khăn về tài chính. Việc không trả nợ chỉ nhằm mục đích chiếm dụng vốn của BTN mà thôi.

**Câu hỏi gợi mở**

Anh (chị) đồng ý với ý kiến của Trung hay ý kiến của Bắc và Nam?

6.1. Pháp luật về giải thể doanh nghiệp

Cũng giống như các sự vật, hiện tượng trong đời sống xã hội, doanh nghiệp có “đời sống” riêng của nó. Doanh nghiệp ra đời, phát triển, thay đổi và cũng có thể sẽ mất đi ở một thời điểm nhất định.

Doanh nghiệp có thể chấm dứt sự tồn tại dưới hai hình thức giải thể hoặc phá sản. Việc chấm dứt sự tồn tại bằng hình thức nào được quyết định bởi khả năng thanh toán nợ của chính doanh nghiệp. Nếu doanh nghiệp không có khả năng thanh toán nợ đến hạn thì sẽ chấm dứt theo hình thức phá sản. Ngược lại, nếu các khoản nợ đến hạn được doanh nghiệp thanh toán đầy đủ thì doanh nghiệp sẽ chấm dứt sự tồn tại theo hình thức giải thể.



6.1.1. Khái niệm giải thể doanh nghiệp

Giải thể doanh nghiệp là việc chấm dứt sự tồn tại của doanh nghiệp khi doanh nghiệp vẫn bảo đảm thanh toán hết các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản đến hạn.

Giải thể doanh nghiệp xảy ra trong các trường hợp sau đây:

- Thứ nhất, theo quyết định của chủ doanh nghiệp đối với doanh nghiệp tư nhân; của tất cả thành viên hợp danh đối với công ty hợp danh; của hội đồng thành viên, chủ sở hữu công ty đối với công ty trách nhiệm hữu hạn; của Đại hội đồng cổ đông đối với công ty cổ phần.

Việc chủ sở hữu doanh nghiệp không muốn tiếp tục kinh doanh nữa có thể bắt nguồn từ nhiều lý do khác nhau, chẳng hạn như tỷ suất lợi nhuận không cao, có mâu thuẫn trong nội bộ doanh nghiệp hoặc triển vọng kinh tế trong lĩnh vực doanh nghiệp đang hoạt động không có nhiều hứa hẹn trong tương lai...

Trong trường hợp này, chủ sở hữu doanh nghiệp có thể đi đến quyết định giải thể doanh nghiệp để thu hồi vốn hoặc chuyển sang kinh doanh ở những loại hình doanh nghiệp khác, với những chủ thể khác. Đây là quyết định hoàn toàn mang tính cá nhân của các chủ sở hữu doanh nghiệp.



- Thứ hai, kết thúc thời hạn hoạt động đã ghi trong Điều lệ công ty mà không có quyết định gia hạn. Việc quy định thời hạn hoạt động của doanh nghiệp có thể là do thỏa thuận của các thành viên sáng lập, có thể do quy định của pháp luật hoặc do sự cấp phép của cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong một số lĩnh vực nhất định.

INDOVINABANK XIN RA HẠN HỢP ĐỒNG

Ngân hàng Nhà nước Việt Nam vừa chấp thuận cho Indovinabank gia hạn thời gian hoạt động là 20 năm theo Quyết định số 1525/2009/QĐ-NHNN, do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước ký ngày 24/6/2009.

Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký (24/6/2009) và là một phần không thể tách rời của Giấy phép hoạt động chi nhánh Ngân hàng nước ngoài số 08/NH-GP ngày 29/10/1992 do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp cho Ngân hàng trách nhiệm hữu hạn Indovina.

Indovinabank là ngân hàng được thành lập năm 1990 theo hình thức liên doanh giữa ngân hàng Cathay United và Ngân hàng Công thương Việt Nam với thời hạn hoạt động được quy định trong giấy phép do Ủy ban nhà nước về hợp tác đầu tư (nay là Bộ Kế hoạch và đầu tư) là 20 năm.

Được biết, đến 2010, ngân hàng này sẽ hết thời gian hoạt động. Do đó, Indovinabank đã chủ động xin được gia hạn thời gian hoạt động tại Việt Nam.

(Nguồn: InfoTV điện tử)

<http://en.infotv.vn/ngan-hang-tai-chinh/tin-tuc/10791-indovinabank-xin-gia-han-99-nam-duoc-chap-thuan-20-nam>

- Thứ ba, công ty không còn đủ số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật trong thời hạn sáu tháng liên tục. Số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật đối với công ty cổ phần là 3, con số này là 2 đối với công ty trách nhiệm hữu hạn có từ 2 thành viên trở lên. Đối với công ty hợp danh, pháp luật quy định phải có ít nhất hai cá nhân là thành viên hợp danh.
- Thứ tư, bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh. Trong trường hợp này doanh nghiệp phải tiến hành thủ tục giải thể chậm nhất là 6 tháng kể từ ngày giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh bị thu hồi.

THEO QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT, DOANH NGHIỆP BỊ THU HỒI GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ KINH DOANH TRONG CÁC TRƯỜNG HỢP SAU:

- Nội dung kê khai trong hồ sơ đăng ký kinh doanh là giả mạo;
- Doanh nghiệp do người bị cấm thành lập doanh nghiệp thành lập;
- Không đăng ký mã số thuế trong thời hạn một năm kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh;
- Không hoạt động tại trụ sở đăng ký trong thời hạn sáu tháng liên tục, kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc chứng nhận thay đổi trụ sở chính;
- Không báo cáo về hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp với cơ quan đăng ký kinh doanh trong mười hai tháng liên tục;
- Ngừng hoạt động kinh doanh một năm liên tục mà không thông báo với cơ quan đăng ký kinh doanh;
- Doanh nghiệp không gửi báo cáo tình hình kinh doanh khi có yêu cầu theo quy định của pháp luật đến cơ quan đăng ký kinh doanh trong thời hạn ba tháng, kể từ ngày có yêu cầu bằng văn bản;
- Kinh doanh ngành, nghề bị cấm.

Trong bốn trường hợp giải thể nói trên, hai trường hợp đầu gọi là giải thể tự nguyện, ngược lại, hai trường hợp sau gọi là giải thể bắt buộc vì đây là những trường hợp giải thể nằm ngoài ý chí của chủ sở hữu doanh nghiệp.

6.1.2. Thủ tục giải thể doanh nghiệp

Doanh nghiệp sau khi giải thể sẽ không còn tồn tại trên thực tế. Việc giải thể doanh nghiệp làm phát sinh hai mối quan hệ: thứ nhất là quan hệ giữa các thành viên trong nội bộ doanh nghiệp và thứ hai là quan hệ giữa doanh nghiệp với các chủ thể khác, bao gồm bạn hàng, đối tác, người lao động trong doanh nghiệp và nhà nước. Đây là những quan hệ liên quan đến tài sản và liên quan đến hoạt động quản lý nhà nước trong lĩnh vực đăng ký kinh doanh.



Hoạt động giải thể chỉ được coi là hoàn thành nếu doanh nghiệp đã xử lý xong mối quan hệ với tất cả các chủ thể nói trên.

- Xử lý mối quan hệ trong nội bộ doanh nghiệp

Công việc này đòi hỏi phải có một quyết định giải thể doanh nghiệp. Nếu là doanh nghiệp một chủ thì chủ sở hữu doanh nghiệp tự mình ra quyết định. Trong trường hợp doanh nghiệp nhiều chủ thì phải tiến hành họp toàn thể thành viên doanh nghiệp để thông qua quyết định giải thể. Quyết định này thể hiện sự nhất trí của các thành viên về các vấn đề liên quan đến lý do giải thể; thời hạn, thủ tục thanh lý hợp đồng và thanh toán các khoản nợ; phương án xử lý các nghĩa vụ phát sinh từ hợp đồng lao động và việc thành lập tổ thanh lý tài sản.



- Xử lý mối quan hệ giữa doanh nghiệp với các chủ thể khác

Công việc này đòi hỏi doanh nghiệp phải thực hiện ba bước như sau:

- Thứ nhất, thông báo cho tất cả các bên có quyền và nghĩa vụ liên quan đến hoạt động giải thể doanh nghiệp biết về quyết định giải thể. Việc thông báo được thực hiện đồng thời bằng ba cách, cụ thể là:
 - Gửi trực tiếp quyết định giải thể đã được doanh nghiệp thông qua tới những người liên quan. Cùng với quyết định này là thông báo về phương án giải quyết nợ như thời hạn, địa điểm và phương thức thanh toán nợ; cách thức và thời hạn giải quyết khiếu nại của chủ nợ;
 - Niêm yết quyết định đó tại trụ sở chính của doanh nghiệp;
 - Đăng báo địa phương hoặc báo ngày của trung ương trong 3 số liên tiếp.
- Thứ hai, tiến hành thanh lý tài sản và thanh toán các khoản nợ theo đúng phương án giải quyết nợ như đã được thông báo.
- Thứ ba, gửi hồ sơ giải thể doanh nghiệp đến cơ quan đăng ký kinh doanh để cơ quan này xóa tên doanh nghiệp khỏi sổ đăng ký kinh doanh.

Sau khi thực hiện xong các thủ tục nói trên, việc giải thể được coi là hoàn tất và doanh nghiệp chấm dứt sự tồn tại trên thực tế.

6.2. Pháp luật về phá sản

6.2.1. Cơ sở lý thuyết của pháp luật về phá sản

Phá sản là một hiện tượng tất yếu và bình thường của nền kinh tế thị trường. Trong quá trình cạnh tranh vô tận và khốc liệt của hoạt động kinh doanh, rủi ro không trả được nợ có thể đến với bất cứ chủ thể nào. Vấn đề đặt ra là chúng ta nhìn nhận phá sản theo quan điểm nào để có cách thức tác động nhằm giải quyết phá sản sao cho có lợi nhất đối với chủ nợ, người mắc nợ và đối với toàn bộ nền kinh tế.

Có hai quan điểm chính liên quan đến vấn đề phá sản:

- Quan điểm thứ nhất cho rằng, phá sản là do lãnh đạo doanh nghiệp hoặc do chủ thể kinh doanh bất tài. Sự yếu kém trong quản lý doanh nghiệp và kinh doanh dẫn đến hệ quả là những chủ thể này không thể thanh toán được các khoản nợ đến hạn khiến cho doanh nghiệp phải phá sản.

Khi doanh nghiệp phá sản sẽ để lại những hậu quả như bán hàng, đối tác không được nhận lại hoặc được nhận lại nhưng không đủ tài sản đã cho vay. Hơn nữa, doanh nghiệp phá sản sẽ để lại một số lượng nhất định người làm công bị thất nghiệp và tạo thành gánh nặng cho xã hội. Đối lại với những hậu quả này, xã hội cần có những biện pháp trừng phạt những người lãnh đạo trong doanh nghiệp bị phá sản.

Xuất phát từ lý do đó mà quan điểm này cho rằng luật phá sản được ban hành nhằm hướng đến mục đích trừng phạt con nợ, loại bỏ con nợ ra khỏi cuộc chơi của thị trường. Chính vì vậy, nếu con nợ không thanh toán những khoản nợ đến hạn sẽ bị tuyên bố phá sản ngay mà không cần quan tâm đến lý do của việc không trả được nợ. Khi doanh nghiệp bị phá sản tức là doanh nghiệp sẽ mất đi và cơ hội kinh doanh đối với các chủ sở hữu doanh nghiệp cũng không còn nữa.

- Quan điểm thứ hai cho rằng, việc không trả nợ bắt nguồn từ nhiều lý do khác nhau như tình hình kinh tế không thuận lợi, tác động của thiên tai, dịch bệnh, năng lực quản trị yếu kém...

Chính vì vậy, pháp luật phá sản không nên chỉ nhằm vào việc trừng trị con nợ mà nên thừa nhận thực tế phá sản là hệ quả của nhiều nguyên nhân khác nhau. Đây là quan điểm được sử dụng rộng rãi trong pháp luật phá sản ở hầu hết các quốc gia hiện nay.

- Xuất phát từ quan điểm thứ hai này, việc xây dựng pháp luật phá sản cần đảm bảo những yêu cầu sau:
 - Trước hết, nếu coi phá sản là trường hợp doanh nghiệp “chết” thì khởi đầu của quá trình đó là doanh nghiệp bị “ốm”, giống như quy luật vốn có của cuộc sống: “sinh, lão, bệnh, tử”. Do đó, nếu doanh nghiệp không trả nợ đến hạn thì cần xác định xem lý do nào dẫn đến tình trạng đó, cũng giống như một người

Bankruptcy



có bệnh thì cần xác định nguyên nhân gây bệnh để có biện pháp chữa trị phù hợp.

- o Doanh nghiệp hoàn toàn có thể thoát ra khỏi tình trạng không thanh toán được nợ nếu có những biện pháp tái cơ cấu phù hợp. Việc tái cơ cấu doanh nghiệp được ví như cho bệnh nhân uống thuốc để điều trị bệnh. Thảm phán chỉ quyết định tuyên bố thanh lý tài sản của doanh nghiệp và tuyên bố phá sản chừng nào doanh nghiệp thực sự không còn khả năng phục hồi. Như vậy, mục đích của pháp luật phá sản không phải là để trừng phạt chủ sở hữu hoặc người quản lý, điều hành doanh nghiệp lâm vào tình trạng phá sản mà là để tái cơ cấu doanh nghiệp nhằm giúp doanh nghiệp thoát khỏi rủi ro trong kinh doanh.
- o Khi tình trạng mất khả năng thanh toán được khắc phục thì sẽ mang lại lợi ích cho tất cả các bên, đó là chủ nợ của doanh nghiệp sẽ nhận được đầy đủ các khoản nợ, người lao động không bị thất nghiệp, doanh nghiệp mắc nợ tiếp tục được kinh doanh để tạo ra của cải cho bản thân họ và cho xã hội.



ORION – HANEL SẼ TUYÊN BỐ PHÁ SẢN

Orion - Hanel, liên doanh giữa Việt Nam và Hàn Quốc chuyên sản xuất đèn hình và phụ kiện cho tivi, máy tính với thời hạn hoạt động 50 năm tính từ năm 1993, sẽ tuyên bố phá sản trong tháng 12 năm 2008 sau nhiều năm dẫn đầu ngành sản xuất điện tử của Hà Nội.

Các doanh nghiệp điện tử Việt Nam cần rút ra bài học từ vụ phá sản của Orion – Hanel. Tiến sĩ Lê Đăng Doanh khuyến cáo như vậy tại Hội thảo tổng kết ngành điện tử - viễn thông sau hai năm Việt Nam vào WTO, diễn ra ở Hà Nội ngày 25 tháng 12.

Orion - Hanel đã đưa ra quyết định mở rộng hoạt động sản xuất đèn hình màu trong bối cảnh thị trường tivi xuất hiện sự thoái trào của công nghệ này với sự thay thế của dòng LCD và Plasma, cộng với suy thoái kinh tế, khiến khó khăn của Orion - Hanel tăng thêm bội phần và không thể tháo gỡ.

Từ trường hợp Orion - Hanel, chuyên gia kinh tế Lê Đăng Doanh nói các doanh nghiệp Việt Nam không nên duy trì y hệt chiến lược cũ trong bối cảnh suy thoái kinh tế toàn cầu như hiện nay, các doanh nghiệp cần “tự cứu mình, chủ động đối phó tình hình”.

Tiến sĩ Lê Đăng Doanh cho rằng hiện các mặt hàng điện tử Việt Nam đang cạnh tranh không cân xứng với hàng Trung Quốc. “Theo tôi biết, Trung Quốc đang tập kết hàng không xuất đi EU và Mỹ được vì suy thoái kinh tế ở các thị trường này. Có thể hàng đó sẽ đổ bộ vào Việt Nam. Nếu vậy, thiệt hại sẽ không nhỏ”.

(Nguồn: Báo Tuổi trẻ điện tử)

<http://www.tuoitre.com.vn/Tianyon/Index.aspx?ChannelID=11&ArticleID=294552>

Trong thực tế, bên cạnh lý do doanh nghiệp không trả nợ đến hạn do gặp rủi ro trong kinh doanh dẫn đến khó khăn về tài chính như trên thì còn có trường hợp doanh nghiệp cố tình không trả nợ nhằm chiếm dụng vốn của chủ thể khác.

Trong trường hợp này, nhu cầu đòi nợ phát sinh và đòi hỏi phải có sự can thiệp của nhà nước nhằm làm cho việc đòi nợ trong xã hội diễn ra một cách có trật tự. Pháp luật phá sản sẽ thực hiện vai trò như một công cụ để đòi nợ và thanh toán nợ, theo đó nếu doanh nghiệp cố tình không trả nợ đến hạn thì sẽ bị tòa án mở thủ tục phá sản.

Đứng trước nguy cơ mất cơ hội kinh doanh do bị tuyên bố phá sản và có thể bị xử phạt theo quy định của pháp luật nên doanh nghiệp buộc phải thanh toán nợ kịp thời. Đây là một vai trò rất quan trọng của pháp luật phá sản và được đặc biệt thể hiện trong quy định của pháp luật liên quan đến việc xác định thời điểm doanh nghiệp lâm vào tình trạng phá sản. Theo đó, pháp luật phá sản phải quy định sao cho bất cứ khi nào nhu cầu đòi nợ chính đáng phát sinh thì pháp luật phải can thiệp ngay nhằm làm cho việc đòi nợ được đảm bảo bằng sức mạnh của nhà nước, qua đó đảm bảo ổn định và trật tự xã hội.

Không chỉ chủ nợ mong muốn có sự hỗ trợ của pháp luật trong việc đòi nợ mà ngay cả doanh nghiệp mắc nợ, đặc biệt là những doanh nghiệp mà chủ sở hữu được hưởng quy chế trách nhiệm hữu hạn cũng mong muốn có sự can thiệp của nhà nước để giải quyết những quan hệ nợ đã phát sinh. Pháp luật phá sản sẽ là công cụ thực hiện mong muốn này nhằm giúp doanh nghiệp giải phóng khỏi quan hệ nợ cũ và xây dựng lại hoạt động kinh doanh.

6.2.2. Khái niệm phá sản



Phá sản là một hình thức chấm dứt sự tồn tại của doanh nghiệp. Như phần trên đã phân tích, nếu coi phá sản là trường hợp doanh nghiệp “chết” thì khởi đầu của quá trình đó là doanh nghiệp bị “ốm”. Khi doanh nghiệp “ốm” tức là doanh nghiệp bị “lâm vào tình trạng phá sản”. Nếu tình trạng này được khắc phục thì sẽ không dẫn đến phá sản, ngược lại nếu doanh nghiệp không thể “bình phục” thì phá sản sẽ

diễn ra. Như vậy, mọi quá trình phá sản đều bắt đầu từ việc doanh nghiệp lâm vào tình trạng phá sản, nhưng ngược lại, doanh nghiệp lâm vào tình trạng phá sản thì chưa chắc bị phá sản trên thực tế.

6.2.2.1. Khái niệm doanh nghiệp lâm vào tình trạng phá sản

Dấu hiệu đầu tiên để quyết định việc mở thủ tục phá sản đối với một doanh nghiệp là doanh nghiệp có lâm vào tình trạng phá sản hay không. Việc xác định thời điểm doanh nghiệp lâm vào tình trạng phá sản rất có ý nghĩa đối với khả năng phục hồi doanh nghiệp. Cũng giống như một người bị ốm, nếu phát hiện bệnh và điều trị sớm thì khả năng bình phục sẽ cao. Doanh nghiệp sớm xác định được thời điểm lâm vào tình trạng phá sản thì cũng sẽ có nhiều cơ hội để phục hồi nhờ vào sự can thiệp của tòa án và các chủ nợ.

Pháp luật phá sản của Việt Nam hiện nay quy định về vấn đề này như sau :

Doanh nghiệp, hợp tác xã không có khả năng thanh toán được các khoản nợ đến hạn khi chủ nợ có yêu cầu thì coi là lâm vào tình trạng phá sản

Thời điểm để xác định doanh nghiệp lâm vào tình trạng phá sản là ngay khi khoản nợ đến hạn và chủ nợ có yêu cầu mà con nợ không thanh toán. Tuy nhiên, cần lưu ý là nếu khoản nợ đến hạn nhưng chủ nợ chưa có yêu cầu thì cũng chưa đủ cơ sở để khẳng định con nợ lâm vào tình trạng phá sản.

Như vậy, doanh nghiệp bị coi là lâm vào tình trạng phá sản nếu đồng thời thỏa mãn hai dấu hiệu: Không có khả năng thanh toán nợ đến hạn và Chủ nợ có yêu cầu.

Việc không có khả năng thanh toán nợ đến hạn của doanh nghiệp có thể xảy ra trong hai trường hợp sau :

- Thứ nhất, doanh nghiệp thực sự có khó khăn về tài chính khiến cho đến hạn mà không thể thực hiện được nghĩa vụ trả nợ. Trường hợp này được gọi là doanh nghiệp “*mất khả năng thanh toán*” nợ đến hạn. Nếu doanh nghiệp mất khả năng thanh toán nợ dẫn đến phá sản thì gọi là phá sản trung thực.
- Thứ hai, doanh nghiệp không có khó khăn về tài chính nhưng dây dưa không muốn trả nợ nhằm chiếm dụng vốn của bạn hàng, đối tác. Nói cách khác, doanh nghiệp không “*mất khả năng thanh toán*” nhưng cố tình không trả nợ đến hạn. Trong trường hợp, doanh nghiệp cố tình làm sai lệch số liệu kế toán, tài chính để được phá sản nhằm hưởng quy chế trách nhiệm hữu hạn, qua đó chiếm dụng tài sản của bạn hàng thì gọi là phá sản gian trá.

Nếu phá sản gian trá bị phát hiện, doanh nghiệp vẫn phải trả tất cả các khoản nợ và phải chịu các hình thức trách nhiệm pháp lý khác như bị xử phạt hành chính và chủ doanh nghiệp có thể bị truy cứu trách nhiệm hình sự trong trường hợp hành vi gian trá đó đủ yếu tố cấu thành tội phạm.

Nếu doanh nghiệp dây dưa cho đến khi bị mở thủ tục phá sản mới trả nợ thì lúc này Luật phá sản đóng vai trò là công cụ đòi nợ hữu hiệu trong kinh doanh.

Như vậy, không phải mọi trường hợp doanh nghiệp lâm vào tình trạng phá sản đều là thời điểm tài sản có của doanh nghiệp nhỏ hơn tài sản nợ. Bất cứ khi nào khoản nợ đến hạn và có yêu cầu thanh toán từ chủ nợ nhưng con nợ không thực hiện thì đều bị coi là lâm vào tình trạng phá sản. Pháp luật không yêu cầu phải xác định giá trị khoản nợ và nguyên nhân doanh nghiệp không thanh toán nợ. Quy định này xuất phát từ cơ sở lý thuyết cho rằng pháp luật phá sản là công cụ đòi nợ và thanh toán nợ mà không phải là công cụ để trừng phạt con nợ.

Phân biệt phá sản và giải thể

Phá sản và giải thể đều là các hình thức dẫn đến việc chấm dứt sự tồn tại của một chủ thể kinh doanh. Tuy nhiên, hai hiện tượng này khác nhau về bản chất, thể hiện ở lý do dẫn đến giải thể và phá sản, chủ thể có thẩm quyền giải quyết và những hạn chế về



quyền tự do kinh doanh đối với chủ sở hữu và người lãnh đạo trong doanh nghiệp bị giải thể và phá sản.

Tiêu chí	Phá sản	Giải thể
Lý do	Doanh nghiệp không có khả năng thanh toán nợ đến hạn khi chủ nợ có yêu cầu.	Có thể giải thể theo quyết định của chủ doanh nghiệp hoặc theo quy định của pháp luật. Việc giải thể chỉ được thực hiện khi doanh nghiệp vẫn còn khả năng thanh toán nợ và các nghĩa vụ tài sản đến hạn.
Chủ thể có thẩm quyền giải quyết	Tòa án là chủ thể có thẩm quyền giải quyết phá sản theo các quy định của pháp luật.	Chủ doanh nghiệp hoặc người có thẩm quyền thành lập doanh nghiệp quyết định. Sau khi giải thể, doanh nghiệp phải làm thủ tục xóa tên đăng ký kinh doanh tại cơ quan hành chính nhà nước.
Hạn chế đối với quyền tự do kinh doanh của cá nhân	Chủ sở hữu hoặc người quản lý, điều hành doanh nghiệp bị phá sản không thành lập doanh nghiệp trong thời gian từ một đến ba năm sau khi doanh nghiệp bị phá sản.	Chủ sở hữu hoặc người quản lý, điều hành doanh nghiệp bị giải thể không bị hạn chế quyền tự do kinh doanh

6.2.2.2. Quan hệ pháp luật phát sinh trong quá trình phá sản

Giải quyết phá sản luôn liên quan đến vấn đề tài sản của doanh nghiệp, tức là liên quan đến vấn đề đòi nợ và thanh toán nợ. Việc đòi nợ làm phát sinh quan hệ giữa con nợ và chủ nợ. Bên cạnh đó, giải quyết phá sản còn có sự can thiệp của các chủ thể khác như tòa án, cơ quan thi hành án... Do đó, giữa chủ nợ và con nợ còn phát sinh quan hệ với các chủ thể có thẩm quyền giải quyết phá sản.



Quan hệ giữa con nợ và chủ nợ

- Con nợ

Về nguyên tắc, mọi chủ thể kinh doanh đều có thể gặp rủi ro dẫn đến mất khả năng thanh toán nợ đến hạn. Chính vì vậy, phá sản có thể xảy ra đối với bất cứ chủ thể kinh doanh nào. Nói cách khác mọi chủ thể kinh doanh đều có thể trở thành con nợ và tham gia vào quá trình phá sản.

Chủ thể kinh doanh có thể là doanh nghiệp, hợp tác xã, cá nhân kinh doanh hoặc hộ kinh doanh cá thể. Ở nhiều nước, pháp luật phá sản được áp dụng đối với mọi chủ thể kinh doanh, không kể chủ thể đó là cá nhân hay tổ chức. Tuy nhiên, hiện



nay pháp luật phá sản của Việt Nam chưa áp dụng đối với phá sản cá nhân mà mới chỉ áp dụng đối với doanh nghiệp, hợp tác xã và liên hiệp hợp tác xã (để tiện cho việc trình bày, doanh nghiệp, hợp tác xã và liên hiệp hợp tác xã được gọi chung là doanh nghiệp).

Chú ý:

Như vậy, pháp luật phá sản của nước ta chưa áp dụng đối với các cá nhân và hộ kinh doanh cá thể. Trong trường hợp cá nhân hoặc hộ kinh doanh cá thể bị phá sản thì việc đòi nợ được thực hiện theo quy định của Bộ luật Dân sự và Bộ luật tố tụng dân sự. Có thể trong tương lai, pháp luật phá sản của nước ta cũng sẽ mở rộng đối tượng điều chỉnh, theo đó cá nhân kinh doanh cũng bị tuyên bố phá sản chứ không chỉ dừng lại áp dụng đối với doanh nghiệp và hợp tác xã như hiện nay.

• Chủ nợ

Chủ nợ có thể là bất cứ cá nhân, tổ chức nào có tài sản đang được chiếm hữu bởi con nợ nhưng chưa đòi được. Chủ nợ thường là các chủ thể sau :

- o Đối tác, bao gồm tất cả các bạn hàng, kể cả các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ điệt, nước, điện thoại và các ngân hàng thương mại cho con nợ vay.
- o Người lao động, trong trường hợp doanh nghiệp nợ lương và các khoản bảo hiểm xã hội.
- o Nhà nước, trong trường hợp doanh nghiệp nợ thuế, phí, lệ phí.



Thông thường, trong quan hệ vay và cho vay, các bên thường sử dụng những biện pháp bảo đảm như cầm cố, thế chấp hoặc bảo lãnh... Căn cứ vào tiêu chí giao dịch có được thực hiện cùng với các biện pháp bảo đảm nghĩa vụ hay không mà chủ nợ được chia thành ba nhóm như sau :

- o Chủ nợ có bảo đảm toàn phần là chủ nợ có tài sản cho vay được bảo đảm toàn bộ giá trị bằng một tài sản khác hoặc bằng một hình thức bảo đảm theo quy định của pháp luật.
- o Chủ nợ có bảo đảm một phần là chủ nợ có tài sản cho vay được bảo đảm một phần giá trị bằng một tài sản khác hoặc bằng một hình thức bảo đảm theo quy định của pháp luật.
- o Chủ nợ không có bảo đảm là chủ nợ có tài sản cho vay không được bảo đảm giá trị bằng bất cứ hình thức nào theo quy định của pháp luật.

Trong ba loại chủ nợ trên, chỉ có hai loại chủ nợ tham gia vào quá trình phá sản là chủ nợ có bảo đảm một phần và chủ nợ không có bảo đảm; chủ nợ có bảo đảm toàn phần không tham gia vào quá trình phá sản. Sở dĩ vậy là do, nếu khoản nợ đến hạn nhưng con nợ không thanh toán thì chủ nợ có bảo đảm toàn phần có quyền sử dụng các hình thức bảo đảm để thực hiện quyền đòi nợ của mình, chẳng hạn như phát mại tài sản đã được sử dụng để cầm cố, thế chấp hoặc yêu cầu chủ thể bảo lãnh thực hiện nghĩa vụ trả nợ thay.

Quan hệ tổ tụng giữa chủ nợ và con nợ với các chủ thể có thẩm quyền giải quyết phá sản

Pháp luật của hầu hết các nước trên thế giới đều quy định tòa án là cơ quan có thẩm quyền giải quyết phá sản. Vấn đề đặt ra là cần xác định cấp tòa án nào chịu trách nhiệm giải quyết phá sản. Theo nguyên lý chung, cấp tòa án có thẩm quyền giải quyết phá sản tương ứng với cấp cơ quan đã cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh cho chủ thể kinh doanh.



Theo quy định của pháp luật Việt Nam, mọi doanh nghiệp có vốn đầu tư trong nước đều đăng ký kinh doanh tại Sở Kế hoạch và Đầu tư của tỉnh nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính. Vì vậy, phá sản doanh nghiệp sẽ do Tòa án nhân dân cấp tỉnh giải quyết.

Trong khi đó, hợp tác xã có thể đăng ký kinh doanh tại cấp tỉnh hoặc cấp huyện. Theo nguyên tắc trên, nếu hợp tác xã đăng ký kinh doanh tại cấp huyện thì sẽ do Tòa án cấp huyện giải quyết phá sản và Tòa án cấp tỉnh sẽ thực hiện công việc này nếu hợp tác xã đã đăng ký kinh doanh tại cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh.

Tuy nhiên, đối với doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài thì không áp dụng nguyên tắc này. Theo đó cho dù giấy phép đầu tư của chủ doanh nghiệp được cấp bởi cơ quan trung ương hay tỉnh thì khi phá sản đều do Tòa án cấp tỉnh nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính giải quyết.



Bên cạnh tòa án, quản tài viên cũng là một chủ thể tham gia vào quá trình phá sản. Quản tài viên có thể là cá nhân hoặc tổ chức thực hiện chức năng thống kê, quản lý tài sản cũng như hỗ trợ tòa án trong việc thực hiện thanh lý tài sản và các khoản nợ. Quản tài viên có thể là một tổ chức tư nhân tồn tại dưới dạng một văn phòng ủy thác. Trong trường hợp này, quản

tài viên là tổ chức thường trực được lập ra để kinh doanh các hoạt động liên quan đến quản lý và phân chia tài sản.

Bên cạnh đó, quản tài viên cũng có thể là một tổ chức lâm thời (vụ việc) chỉ được thành lập khi có nhu cầu và sẽ tự giải thể khi các vấn đề liên quan đến quản lý và phân

chia tài sản được thực hiện xong. Trong trường hợp này, quản tài viên được lập ra bởi tòa án dưới dạng tổ quản lý và thanh lý tài sản. Thành viên của tổ này do thẩm phán phụ trách giải quyết phá sản chỉ định trên cơ sở quy định của pháp luật.

Mỗi mô hình quản tài viên có những ưu điểm và hạn chế nhất định:

Ở mô hình tổ chức thường trực, quản tài viên có tính chuyên nghiệp hơn nên những công việc liên quan đến thống kê, quản lý và phân chia tài sản sẽ được thực hiện nhanh chóng với độ chính xác cao.

Đối với quản tài viên do tòa án lập ra thường không có được kỹ năng như vậy do thành viên của tổ quản lý tài sản có những lĩnh vực chuyên môn khác nhau, thậm chí không liên quan đến nghiệp vụ kế toán thống kê. Tuy nhiên, chi phí thuê quản tài viên thường trực là cao hơn nhiều so với việc chỉ định thành lập quản tài viên.

Chú ý

Quản tài viên ở Việt Nam hiện nay tồn tại dưới dạng tổ quản lý và thanh lý tài sản, tức là mô hình vụ việc. Tổ này được lập ra để giúp tòa án thống kê tài sản nợ và tài sản có của doanh nghiệp, quản lý và thanh lý tài sản theo quyết định của tòa án.

6.2.3. Trình tự giải quyết phá sản doanh nghiệp

Theo quy định của Luật Phá sản 2004, quá trình phá sản doanh nghiệp được diễn ra theo các bước như sau :

- Nộp đơn yêu cầu và mở thủ tục phá sản;
- Phục hồi hoạt động kinh doanh;
- Thanh lý tài sản, các khoản nợ;
- Tuyên bố doanh nghiệp bị phá sản.

6.2.3.1. Nộp đơn yêu cầu và mở thủ tục phá sản

Nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản

Đây là bước đầu tiên mở ra một quá trình phá sản.

Việc nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản có thể được tiến hành từ hai phía, hoặc từ chính con nợ

hoặc từ chủ nợ. Nếu đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản được đệ trình từ phía con nợ thì khi đó phá sản mang tính chất tự nguyện và được gọi là phá sản tự nguyện. Ngược lại, nếu đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản được đệ trình từ phía chủ nợ thì khi đó phá sản mang tính bắt buộc và được gọi là phá sản bắt buộc.

- Đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản tự nguyện có thể được đệ trình bởi các chủ thể sau :
 - Đại diện hợp pháp của doanh nghiệp.
 - Đại diện chủ sở hữu doanh nghiệp nhà nước nếu doanh nghiệp nhà nước không tự nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản.
 - Chủ sở hữu doanh nghiệp, bao gồm các chủ thể sau:
 - Chủ sở hữu doanh nghiệp tư nhân;
 - Thành viên hợp danh của công ty hợp danh;
 - Cổ đông hoặc nhóm cổ đông của công ty cổ phần.



Chú ý

Như vậy, thành viên góp vốn trong công ty hợp danh và các thành viên của công ty trách nhiệm hữu hạn không có quyền nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản.

Điều này có thể được lý giải dựa trên bản chất pháp lý của hai loại hình doanh nghiệp này. Đối với công ty hợp danh, thành viên góp vốn không được quyền quản lý công ty và không được nhân danh công ty hoạt động do vậy pháp luật không trao cho họ quyền nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản công ty hợp danh. Đối với công ty trách nhiệm hữu hạn, vì số lượng thành viên của công ty là không lớn (không quá 50 người) nên quyền nộp đơn của các chủ thể này được thực hiện thông qua cuộc họp hội đồng thành viên và sau đó sẽ được thực hiện thông qua đại diện hợp pháp của công ty.

Đối với công ty cổ phần, thông thường cổ đông hoặc nhóm cổ đông phải sở hữu một tỷ lệ cổ phần nhất định thì mới có quyền này. Tỷ lệ đó có thể được quy định tại điều lệ công ty hoặc theo nghị quyết của đại hội đồng cổ đông. Trong trường hợp bản thân công ty không có những quy định này thì áp dụng quy định của pháp luật, theo đó quyền này chỉ phát sinh đối với cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu trên 20% số cổ phần phổ thông trong thời gian liên tục ít nhất 6 tháng.

- Đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản bắt buộc có thể được đệ trình bởi các chủ thể sau :
 - Các chủ nợ không có bảo đảm và các chủ nợ có bảo đảm một phần.
 - Người lao động. Quyền nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản của người lao động chỉ phát sinh trong trường hợp doanh nghiệp nợ lương hoặc bảo hiểm xã hội đối với họ và người lao động nhận thấy doanh nghiệp lâm vào tình trạng phá sản.

Mở thủ tục phá sản

Sau khi thụ lý đơn và có đủ các căn cứ thì tòa án ra quyết định mở thủ tục phá sản. Doanh nghiệp bị mở thủ tục phá sản không có nghĩa là đã bị phá sản. Chính vì vậy, ở giai đoạn này, mọi hoạt động của doanh nghiệp vẫn được diễn ra bình thường. Tuy nhiên, lúc này doanh nghiệp kinh doanh trong điều kiện đặc biệt nên phải chịu sự kiểm tra giám sát của tòa án và tổ quản lý, thanh lý tài sản.



Sau khi thủ tục phá sản đã được mở, các công việc chính tòa án phải thực hiện là lên danh sách chủ nợ, thống kê tài sản nợ và tài sản có của doanh nghiệp.

Thực hiện những công việc này đòi hỏi phải có nghiệp vụ về tài chính, kế toán và có hiểu biết nhất định về quản trị doanh nghiệp. Để giúp cho tòa án thực hiện những việc nói trên được nhanh chóng và chính xác, thẩm phán phụ trách vụ việc sẽ quyết định thành lập tổ quản lý và thanh lý tài sản (gọi tắt là tổ quản tài viên). Thành viên của tổ này bao gồm một chấp hành viên của cơ quan thi hành án (làm tổ trưởng), một đại diện của tòa án, một đại diện chủ nợ, một đại diện hợp pháp của con nợ. Ngoài ra, tổ này có thể có thêm thành phần là đại diện người lao động, đại diện công đoàn và đại diện các cơ quan chuyên môn.

- Quản tài viên sẽ giúp thẩm phán thực hiện các công việc như đăng thông báo về việc mở thủ tục phá sản trên báo hàng ngày.

- Đối với các chủ nợ, khi biết được thông báo này phải gửi giấy đòi nợ đến tòa án có thẩm quyền giải quyết. Mọi chủ nợ đều có quyền gửi giấy đòi nợ mà không phân biệt đó là chủ nợ đến hạn hay chưa đến hạn. Vấn đề cần lưu ý đối với các chủ nợ là theo quy định của pháp luật, thời hạn gửi giấy đòi nợ chỉ là 60 ngày kể từ ngày cuối cùng đăng báo. Quá thời hạn này nếu chủ nợ không gửi giấy đòi nợ thì coi như là từ bỏ quyền đòi nợ của mình, trừ trường hợp bất khả kháng.

- Bên cạnh đó, quản tài viên sẽ cùng với doanh nghiệp tiến hành kiểm kê tài sản còn lại của doanh nghiệp. Tài sản của doanh nghiệp được xác định trên cơ sở các quy định của pháp luật liên quan đến kế toán và tài chính doanh nghiệp. Tài sản có của doanh nghiệp bao gồm cả những tài sản mà doanh nghiệp đang cho vay. Trong trường hợp này, quản tài viên phải lập cả danh sách những chủ thể đang mắc nợ doanh nghiệp.



- Giám sát tài sản còn lại: Tài sản còn lại của doanh nghiệp có vai trò rất quan trọng trong việc đảm bảo khả năng cho doanh nghiệp có thể phục hồi hoặc trong trường hợp không thể phục hồi được thì tài sản này có ý nghĩa rất lớn cho việc thanh toán nợ cho chủ nợ. Chính vì vậy, tài sản còn lại của doanh nghiệp cần phải được giám sát chặt chẽ dưới các hình thức như:

- Cấm tẩu tán, cất giấu tài sản, cấm doanh nghiệp từ bỏ hoặc giảm bớt quyền đòi nợ. Nếu doanh nghiệp thực hiện các giao dịch nhằm tẩu tán tài sản như tặng, cho tài sản, thanh toán nợ chưa đến hạn thì các giao dịch đó sẽ bị tuyên vô hiệu. Việc hạn chế các hoạt động tẩu tán tài sản này áp dụng đối với cả các giao dịch được thực hiện trước khi mở thủ tục phá sản ba tháng.
- Đình chỉ thực hiện thi hành án dân sự về tài sản mà doanh nghiệp lâm vào tình trạng phá sản là chủ thể phải thi hành án.
- Các chủ thể có hoạt động liên quan đến tài sản của doanh nghiệp như ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản, nhân viên và người lao động của doanh nghiệp cũng có nghĩa vụ bảo vệ tài sản của doanh nghiệp.
- Đối với tòa án, nếu cần thiết có thể áp dụng các biện pháp khẩn cấp tạm thời liên quan đến tài sản của doanh nghiệp như:



- Cho bán những hàng hoá dễ bị hư hỏng, hàng hoá sắp hết thời hạn sử dụng, hàng hoá không bán đúng thời điểm sẽ khó có khả năng tiêu thụ;
- Kê biên, niêm phong tài sản của doanh nghiệp ;
- Phong toả tài khoản của doanh nghiệp tại ngân hàng;
- Niêm phong kho, quỹ, thu giữ và quản lý sổ kế toán, tài liệu liên quan của doanh nghiệp;

- Cấm hoặc buộc doanh nghiệp, cá nhân, tổ chức khác có liên quan thực hiện một số hành vi nhất định.

MỞ THỦ TỤC PHÁ SẢN CÔNG TY VINA HAENG WOON

Ngày 3-7-2009, Liên đoàn lao động quận 8, thành phố Hồ Chí Minh đã nhận được quyết định thành lập tổ quản lý, thanh lý tài sản Công ty Vina Haeng Woon (100% vốn Hàn Quốc, quận 8, thành phố Hồ Chí Minh) của Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh.

Trước đó, vào tháng 4 năm 2009, Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh đã có quyết định mở thủ tục phá sản công ty theo yêu cầu của Liên đoàn lao động quận 8. Theo quyết định trên, trong thời hạn 60 ngày, các chủ nợ phải gửi giấy đòi nợ cho tòa án nêu rõ các khoản nợ và tài liệu chứng minh các khoản nợ. Hết thời hạn trên, Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh đã thành lập tổ quản lý, thanh lý tài sản do đại diện Thi hành án Dân sự TPHCM làm tổ trưởng; các thành viên gồm đại diện Tòa án nhân dân thành phố, Liên đoàn lao động quận 8 và các chủ nợ... Tổ có nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm theo quy định tại điều 10 và điều 11 của Luật Phá sản.

Vào tháng 10 năm 2008, bà Noh Yeon Hong, Giám đốc Công ty Vina Haeng Woon, đã bỏ trốn trong khi còn nợ tiền lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội của công nhân hơn 3,5 tỉ đồng. Liên đoàn lao động quận 8 đã được công nhân ủy quyền yêu cầu tòa án mở thủ tục phá sản công ty để có cơ sở giải quyết quyền lợi công nhân.

(Nguồn: Báo Người Lao động điện tử

<http://www.nld.com.vn/2009070402184126P0C1010/mo-thu-tuc-pha-san-cong-ty-vina-haeng-woon.htm>

Hội nghị chủ nợ

Sau khi có quyết định mở thủ tục phá sản và lập xong danh sách chủ nợ, thẩm phán triệu tập hội nghị chủ nợ để thông báo về tình hình tài sản của doanh nghiệp, xem xét các phương án phục hồi hoạt động kinh doanh, khả năng thanh toán và thời hạn thanh toán nợ.

- Thành phần tham gia hội nghị chủ nợ :

Chủ thể tham gia hội nghị chủ nợ gồm những người có nghĩa vụ, tức là bắt buộc phải tham gia và những người có quyền tham gia. Đối với những chủ thể có nghĩa vụ, sự vắng mặt của họ khiến cho hội nghị không thể tiến hành được, trong khi đó những người có quyền không bắt buộc phải tham gia nhưng sự vắng mặt của họ có thể ảnh hưởng đến kết quả của hội nghị.



- Chủ thể có nghĩa vụ dự họp hội nghị chủ nợ là bản thân doanh nghiệp, cổ đông của công ty cổ phần, thành viên hợp danh của công ty hợp danh và đại diện chủ sở hữu nhà nước trong trường hợp những chủ thể này đã nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản doanh nghiệp.
- Những chủ thể có quyền tự do họp hội nghị chủ nợ bao gồm các chủ nợ, kể cả những người bảo lãnh đã trả nợ thay cho doanh nghiệp lâm vào tình trạng phá sản và đại diện người lao động, đại diện trong công đoàn mắc nợ.

Như vậy, chủ thể có nghĩa vụ tham dự hội nghị chủ nợ chỉ phát sinh trong trường hợp phá sản tự nguyện mà không có trong phá sản bắt buộc.

- Điều kiện họp hội nghị chủ nợ

Hội nghị chủ nợ chỉ được tiến hành nếu thỏa mãn đồng thời hai điều kiện sau:

- Điều kiện thứ nhất: Có sự tham gia của người có nghĩa vụ dự họp;
- Điều kiện thứ hai: Có quá nửa số chủ nợ không có bảo đảm đại diện cho ít nhất 2/3 tổng số nợ không có bảo đảm tham gia.



Ví dụ

Trong danh sách chủ nợ có 50 chủ nợ không có bảo đảm với số nợ tương ứng là 90 đồng. Đề hội nghị chủ nợ được tiến hành thì phải có ít 25 chủ nợ không có bảo đảm tham gia và tổng số nợ tương ứng của 25 người này ít nhất phải là 60 đồng. Như vậy, điều kiện họp hội nghị chủ nợ trong trường hợp này chỉ tính đến các chủ nợ không có bảo đảm mà không tính đến chủ nợ có bảo đảm một phần. Tính hợp lý của quy định này vẫn là vấn đề đang được tranh luận trong giai đoạn hiện nay.

Hội nghị chủ nợ được triệu tập nhưng có thể bị hoãn hoặc có thể không tổ chức được (hội nghị chủ nợ không thành). Việc hoãn hội nghị chủ nợ xảy ra nếu có một trong ba tình huống sau :

- Người có nghĩa vụ dự họp vắng mặt có lý do chính đáng ;
- Không thỏa mãn điều kiện họp thứ hai ;
- Quá nửa số chủ nợ không có bảo đảm có mặt tại hội nghị chủ nợ biểu quyết đề nghị hoãn hội nghị chủ nợ.

Trong trường hợp hoãn, hội nghị chủ nợ sẽ được triệu tập lại sau đó 30 ngày.

Hội nghị chủ nợ được coi là không thành nếu có các tình huống sau :

- Người có nghĩa vụ dự họp vắng mặt không có lý do chính đáng ;
- Hội nghị chủ nợ được triệu tập họp đến lần thứ hai nhưng điều kiện thứ hai vẫn không được thỏa mãn.
- Người nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản rút lại đơn yêu cầu.

Hội nghị chủ nợ không thành sẽ dẫn đến hai hệ quả, hoặc là chấm dứt thủ tục phá sản hoặc là chuyển sang giai đoạn thanh lý tài sản, các khoản nợ.

- Về nguyên tắc thủ tục phá sản sẽ bị đình chỉ nếu những người nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản không đến dự họp mà không có lý do chính đáng hoặc người đó rút lại đơn yêu cầu. Nguyên nhân đình chỉ là vì vụ việc phá sản phát sinh từ đơn yêu cầu của chính những chủ thể này nên việc họ không đến họp tức là họ từ bỏ quyền được giải quyết quan hệ nợ thông qua thủ tục phá sản.
- Bên cạnh đó, thủ tục phá sản sẽ chuyển sang giai đoạn thanh lý tài sản, các khoản nợ nếu hội nghị chủ nợ không thành là do sự vắng mặt của những chủ thể không phải là người đã nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản. Quy định này nhằm bảo đảm quyền lợi cho những người đã nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản.

- Cách thức họp hội nghị chủ nợ

Hội nghị chủ nợ được họp làm 2 giai đoạn. Mỗi giai đoạn có những nhiệm vụ riêng và có thể được tổ chức thành nhiều phiên họp :

- Hội nghị chủ nợ lần thứ nhất có nhiệm vụ xem xét tình hình tài chính của doanh nghiệp mắc nợ và thảo luận về khả năng phục hồi của doanh nghiệp ấy. Hội nghị chủ nợ lần thứ nhất sẽ ra Nghị quyết về doanh nghiệp:
 - Nếu Hội nghị cho rằng doanh nghiệp không có khả năng phục hồi hoạt động kinh doanh thì sẽ chuyển sang giai đoạn thanh lý tài sản và các khoản nợ.
 - Nếu Hội nghị cho rằng doanh nghiệp có khả năng phục hồi thì sẽ giao cho doanh nghiệp tự xây dựng phương án phục hồi hoạt động kinh doanh và trình ra hội nghị chủ nợ lần thứ hai.
- Hội nghị chủ nợ lần thứ hai có nhiệm vụ xem xét và thảo luận phương án phục hồi được đệ trình bởi con nợ hoặc bởi các chủ nợ (trong trường hợp chủ nợ có xây dựng phương án cho con nợ).
 - Nếu không có phương án phục hồi nào được hội nghị chủ nợ thông qua thì chuyển sang giai đoạn thanh lý tài sản, các khoản nợ.
 - Ngược lại, nếu có phương án phục hồi được thông qua thì chuyển sang giai đoạn phục hồi hoạt động kinh doanh.



6.2.3.2. Phục hồi hoạt động kinh doanh

Đây chính là thủ tục tái cơ cấu doanh nghiệp lâm vào tình trạng phá sản. Nếu xem xét phá sản là quá trình chữa "bệnh không có khả năng thanh toán" của doanh nghiệp thì phục hồi hoạt động kinh doanh là giai đoạn điều trị bệnh sau khi đã xác định được nguyên nhân gây bệnh. Đây là giai đoạn rất quan trọng quyết định đến khả năng phục hồi của doanh nghiệp trong tương lai.



Tuy nhiên, đây không phải là giai đoạn bắt buộc phải có đối với mọi trường hợp giải quyết phá sản. Thực vậy, nếu tình hình tài chính của doanh nghiệp gặp khó khăn trầm trọng với số tài sản còn lại không đáng kể và không thể cứu vãn được thì giai đoạn phục hồi hoạt động kinh doanh là không cần thiết. Hơn nữa, trong một số trường hợp ở giai đoạn

họp hội nghị chủ nợ như đã phân tích ở trên, thủ tục phá sản cũng được chuyển ngay từ bước mở thủ tục phá sản sang thanh lý tài sản mà không cần phải thực hiện phương án phục hồi hoạt động kinh doanh

Khi một phương án phục hồi hoạt động kinh doanh đã được thông qua thì doanh nghiệp phải triệt để tuân thủ phương án này.

Nếu trong quá trình áp dụng biện pháp phục hồi có phát sinh các tình huống mới đòi hỏi phải thay đổi hoặc điều chỉnh phương án đã được thông qua thì doanh nghiệp phải thỏa thuận với chủ nợ. Việc thay đổi chỉ được thực hiện nếu có quá nửa số chủ nợ

không có bảo đảm đại diện cho ít nhất 2/3 tổng số nợ không có bảo đảm đồng ý. Đồng thời, thỏa thuận này phải được sự công nhận của thẩm phán chịu trách nhiệm giải quyết vụ việc.

Thời hạn thực hiện phương án phục hồi hoạt động kinh doanh tối đa là ba năm, kể từ ngày cuối cùng đăng báo về quyết định của Toà án công nhận nghị quyết của hội nghị chủ nợ về phương án phục hồi hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Thời hạn cụ thể trong từng trường hợp do hội nghị chủ nợ quyết định.

Nếu sau khi áp dụng biện pháp phục hồi hoạt động kinh doanh và doanh nghiệp đủ khả năng thanh toán nợ đến hạn thì doanh nghiệp không còn bị coi là lâm vào tình trạng phá sản và khi đó thủ tục phá sản chấm dứt. Ngược lại, nếu doanh nghiệp áp dụng phương án phục hồi hoạt động kinh doanh không thành công thì chuyển sang giai đoạn thanh lý tài sản, các khoản nợ.

6.2.3.3. Thanh lý tài sản, các khoản nợ

- Các trường hợp dẫn đến thanh lý tài sản, các khoản nợ:

Như đã phân tích ở các phần trên, việc thanh lý tài sản, các khoản nợ có thể được thực hiện trong trường hợp hội nghị chủ nợ không thành do sự vắng mặt của những chủ thể không phải là người đã nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản.

Ví dụ

Trong trường hợp phá sản bắt buộc, chủ doanh nghiệp hoặc người đại diện hợp pháp của doanh nghiệp không tham gia hội nghị chủ nợ sau khi hội nghị đã được hoãn một lần. Hoặc trong trường hợp phá sản tự nguyện, hội nghị chủ nợ không thành do không đủ số chủ nợ theo quy định.

Ngoài ra, việc thanh lý tài sản, các khoản nợ cũng có thể được thực hiện trong trường hợp hội nghị chủ nợ thành nhưng có các tình huống sau:

- Hội nghị chủ nợ lần thứ nhất ra nghị quyết về doanh nghiệp cho rằng doanh nghiệp không có khả năng phục hồi;
- Doanh nghiệp không xây dựng được phương án phục hồi kinh doanh để trình hội nghị chủ nợ lần thứ hai;
- Không có phương án phục hồi hoạt động kinh doanh nào được thông qua tại hội nghị chủ nợ lần thứ hai;
- Doanh nghiệp không thực hiện đúng phương án phục hồi hoạt động kinh doanh;
- Doanh nghiệp thực hiện phương án phục hồi hoạt động kinh doanh nhưng không thành công.

- Thứ tự ưu tiên thanh toán

Việc thanh toán tài sản phá sản được thực hiện theo nguyên tắc công bằng, bình đẳng và bảo vệ lợi ích của người lao động.

Xuất phát từ quan điểm này nên thứ tự phân chia tài sản phá sản như sau:



- o Thứ nhất, trả phí phá sản cho tòa án. Trong trường hợp chủ thể nộp đơn không phải là doanh nghiệp mắc nợ và chủ thể này đã nộp tạm ứng phí phá sản thì khoản tạm ứng được trả cho người đã nộp
- o Thứ hai, thanh toán các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác cho người lao động theo quy định của pháp luật, theo thỏa ước lao động tập thể và theo hợp đồng lao động đã ký kết
- o Thứ ba, các khoản nợ không có bảo đảm phải trả cho các chủ nợ không có bảo đảm và chủ nợ có bảo đảm một phần trong danh sách chủ nợ. Các khoản nợ thuế, phí, lệ phí đối với nhà nước cũng được xếp vào hàng thanh toán thứ ba này.



Việc thanh toán tài sản cho các chủ nợ (bao gồm cả Nhà nước) được thực hiện theo nguyên tắc:

- o Nếu giá trị tài sản đủ để thanh toán các khoản nợ thì mỗi chủ nợ được thanh toán đủ số nợ của mình.
- o Ngược lại, nếu tài sản không đủ để thanh toán các khoản nợ thì mỗi chủ nợ chỉ được thanh toán một phần khoản nợ của mình theo tỷ lệ tương ứng.
- o Hơn nữa, việc thanh toán tài sản cho các chủ thể thuộc đối tượng ưu tiên kế tiếp chỉ được thực hiện nếu đã thanh toán đủ cho chủ thể thuộc hàng trước đó.

6.2.3.4. Tuyên bố doanh nghiệp, hợp tác xã bị phá sản

- Các trường hợp tuyên bố phá sản

Theo tuần tự các bước của một quá trình phá sản thì sau khi thực hiện xong các công việc liên quan đến thanh lý tài sản và các khoản nợ, doanh nghiệp sẽ bị tuyên bố phá sản. Việc tuyên bố doanh nghiệp bị phá sản sẽ được thực hiện bằng một quyết định của tòa án.

Bên cạnh trường hợp tuyên bố phá sản nói trên, doanh nghiệp còn có thể bị tuyên bố phá sản trong hai trường hợp đặc biệt như sau:

- o Trong trường hợp doanh nghiệp tư nhân yêu cầu mở thủ tục phá sản thì doanh nghiệp có nghĩa vụ nộp tiền tạm ứng phí phá sản. Tuy nhiên, doanh nghiệp không còn tiền và tài sản hoặc còn nhưng không đủ để nộp tạm ứng phí thì tòa án ra quyết định tuyên bố phá sản ngay mà không cần thực hiện các biện pháp phục hồi hoạt động kinh doanh cho doanh nghiệp nữa.



- o Trong trường hợp chủ thể nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản không phải là doanh nghiệp mắc nợ và chủ thể này đã nộp tạm ứng phí phá sản nhưng sau khi thống kê tài sản còn lại của doanh nghiệp, tòa án nhận thấy số tài sản đó không đủ để thanh toán phí phá sản sau này thì tòa án cũng ra ngay quyết định tuyên bố phá sản doanh nghiệp.
- Trách nhiệm tài chính của chủ doanh nghiệp sau khi doanh nghiệp bị tuyên bố phá sản

Trong nhiều trường hợp phá sản, đặc biệt là phá sản trung thực, có những khoản nợ không được thanh toán hết ngay cả khi vụ việc đã được giải quyết xong.

Khi đó, những chủ thể được miễn trừ nghĩa vụ tài chính đối với các khoản nợ chưa thanh toán hết bao gồm: Chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần và thành viên góp vốn của công ty hợp danh. Lý do là vì những chủ thể này được hưởng quy chế trách nhiệm hữu hạn khi tham gia góp vốn vào công ty.

Ngược lại, chủ doanh nghiệp tư nhân và thành viên hợp danh của công ty hợp danh không được miễn trừ nghĩa vụ tài chính đối với những khoản nợ còn thiếu do những chủ thể này hưởng quy chế trách nhiệm vô hạn đối với các khoản nợ phát sinh trong quá trình hoạt động của doanh nghiệp. Điều đó có nghĩa là chủ doanh nghiệp tư nhân và thành viên hợp danh của công ty hợp danh vẫn phải trả nợ đến cùng về mọi khoản nợ ngay cả khi doanh nghiệp mà họ là chủ sở hữu đã được tòa án tuyên bố phá sản.

Thủ tục phá sản phức tạp: Doanh nghiệp sống lay lắt

Nền kinh tế thị trường giống như một cơ thể sống, những tế bào mới sinh ra, những tế bào già chết đi, tương tự trong đời sống kinh tế, bên cạnh nhiều doanh nghiệp mới được thành lập ngày một đông đảo cũng sẽ có doanh nghiệp đóng cửa và một trong những cách giải thoát là nộp hồ sơ lên tòa án xin phá sản. Thế nhưng, theo đánh giá của các chuyên gia Công ty Tài chính quốc tế IFC - trực thuộc Ngân hàng Thế giới, các số liệu họ thu thập được đã chỉ ra sự yếu kém trong Luật Phá sản hiện hành và các vướng mắc về thủ tục hành chính trong quá trình thực hiện phá sản.

Cụ thể, thời gian để thực hiện thủ tục phá sản của một doanh nghiệp ở Việt Nam là 5 năm, trong khi ở khu vực chỉ 2,7 năm; chi phí để thực hiện phá sản tại Việt Nam chiếm 15% tổng tài sản. Đặc biệt, tỷ lệ thu hồi (mô tả theo cách thức là người đòi nợ có thể thu hồi được bao nhiêu cent trên 1 USD họ bỏ ra từ công ty không có khả năng trả nợ) chỉ được 18 cent trên 1 USD. Trong số 178 nền kinh tế được IFC tiến hành đánh giá, mức độ dễ dàng về thực hiện thủ tục phá sản tại Việt Nam đứng thứ 121.

Đánh giá của IFC cũng phù hợp với những con số mà báo chí thu nhận được từ khi có khung pháp lý về thủ tục phá sản (năm 1993), toàn ngành tòa án thụ lý được khoảng 200 đơn yêu cầu phá sản so với hàng trăm ngàn doanh nghiệp mới được thành lập, hơn nữa trong số hồ sơ xin phá sản trên cũng chỉ có vài chục vụ thực hiện thành công.

Rắc rối thứ nhất, có thể kể đến là chuyện thời gian mở thủ tục thụ lý. Luật quy định, thời hạn để tòa án ra quyết định mở thủ tục là 30 ngày, kể từ ngày thụ lý đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản của doanh nghiệp. Thế nhưng, hồ sơ phải đi qua các bộ phận thụ lý theo luật định rất phức tạp, thời gian để tòa án triệu tập làm việc với doanh nghiệp yêu cầu phá sản và những cá nhân, tổ chức liên quan; nghiên cứu các báo cáo tình hình hoạt

động của doanh nghiệp, những biện pháp khắc phục nhưng không thoát khỏi sự phá sản là quá ít ỏi.

Theo Luật, doanh nghiệp xin phá sản phải lập hội nghị chủ nợ để trình phương án khắc phục và hội nghị này phải ra nghị quyết để làm căn cứ giúp thẩm phán ra quyết định thanh lý tài sản. "Trường hợp việc kiểm kê tài sản của doanh nghiệp, hợp tác xã lâm vào tình trạng phá sản kết thúc trước ngày lập xong danh sách chủ nợ thì trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày lập xong danh sách chủ nợ, thẩm phán phải triệu tập hội nghị chủ nợ; nếu việc kiểm kê tài sản của doanh nghiệp, hợp tác xã kết thúc sau ngày lập xong danh sách chủ nợ thì thời hạn này tính từ ngày kiểm kê xong tài sản của doanh nghiệp, hợp tác xã - Luật Phá sản 2004". Tuy nhiên, trên thực tế, khi đã muốn phá sản, doanh nghiệp cũng chẳng thiết hợp tác với thẩm phán lập hội nghị chủ nợ khiến nhiều thẩm phán ở thế tiến thoái lưỡng nan. Cũng theo Luật Phá sản 2004, tổ quản lý và thanh lý tài sản cùng với thẩm phán phải có kết luận là doanh nghiệp đã hết tài sản cũng như quyền sở hữu tài sản đó trước khi ra quyết định phá sản, song trên sổ sách tài sản bằng hiện vật vẫn tồn tại như hàng hóa, vật tư, máy móc, thiết bị... nhưng không còn giá trị sử dụng và cũng không có giá trị thương mại khiến cho việc ra quyết định hết sức khó khăn. Đó là chưa kể đến việc doanh nghiệp có trụ sở ở địa phương này nhưng chi nhánh, tài sản lại nằm ở địa phương khác, tổ thanh lý tài sản chỉ có 3 người, thử hỏi họ có cách nào để quản lý, đảm bảo tài sản của doanh nghiệp trong quá trình xử lý hồ sơ không bị thất thoát, hư hại.

Một khó khăn nữa là quy định về phá sản của doanh nghiệp trong Luật quá rộng, thành ra lại khó xác định. Đơn cử như quy định không có khả năng thanh toán được các khoản nợ đến hạn khi chủ nợ có yêu cầu thì coi là lâm vào tình trạng phá sản. Với những hợp đồng lắt léo, vòng vèo cộng với thời gian thực hiện hợp đồng khá dài, cũng như vô vàn lý do bất khả kháng của doanh nghiệp thì chưa hẳn doanh nghiệp không có khả năng thanh toán được nợ là lâm vào tình trạng phá sản.

Cũng chính vì ít thực hiện được, nên bên cạnh những hình thức như giao, bán, khoán, cho thuê, cổ phần hóa, phá sản cũng là một trong những phương thức thực hiện đổi mới, sắp xếp lại doanh nghiệp nhà nước mà tuyệt nhiên chẳng thấy cơ quan nào đề cập tại các hội nghị liên quan đến vấn đề này. Có luật sư lên tiếng, với Luật Phá sản hiện hành, nhiều doanh nghiệp phá sản sẽ không thể phá sản. "Chết" mà không được "chôn", khiến cho doanh nghiệp tồn tại một cách hình thức, khó nhọc, đời sống, việc làm của người lao động bấp bênh với đồng lương eo hẹp hoặc tình trạng nợ lương kéo dài, ngoài ra doanh nghiệp lay lắt cũng kéo theo nhiều hệ lụy không đáng có khác.

(Nguồn: Báo Đầu tư chứng khoán <http://www.vntrades.com/tintuc/name-News-file-article-sid-27569.htm>)

TÓM LƯỢC CUỐI BÀI

- Các bài trước đã đề cập đến sự ra đời, bản chất pháp lý của các loại hình doanh nghiệp. Bài này nghiên cứu các trường hợp chấm dứt sự tồn tại của một doanh nghiệp trong quá trình kinh doanh.
- Doanh nghiệp có thể chấm dứt sự tồn tại dưới hai hình thức, đó là giải thể hoặc phá sản. Doanh nghiệp chỉ được giải thể nếu vẫn đảm bảo khả năng thanh toán nợ đến hạn, nếu không doanh nghiệp sẽ chấm dứt sự tồn tại dưới hình thức phá sản.
- Thủ tục giải thể được tiến hành bởi các chủ sở hữu doanh nghiệp trên cơ sở xử lý các khoản nợ và giải quyết các mối quan hệ trong nội bộ doanh nghiệp. Sau khi xử lý xong các mối quan hệ nói trên, chủ sở hữu doanh nghiệp phải nộp hồ sơ giải thể cho cơ quan đăng ký kinh doanh để xóa tên doanh nghiệp khỏi sổ đăng ký kinh doanh.
- Phá sản doanh nghiệp là một quá trình được bắt đầu bằng việc xác định doanh nghiệp lâm vào tình trạng phá sản. Xuất phát từ quan điểm pháp luật phá sản là công cụ để đòi nợ và thanh toán nợ nên Luật phá sản 2004 quy định doanh nghiệp lâm vào tình trạng phá sản là doanh nghiệp không có khả năng thanh toán nợ đến hạn khi chủ nợ có yêu cầu. Hơn nữa, pháp luật phá sản không nhằm mục đích trừng phạt doanh nghiệp lâm vào tình trạng phá sản mà là công cụ để tái cơ cấu con nợ với mục đích nhằm phục hồi hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp một cách tối đa nên khi tiến hành thủ tục phá sản, việc tìm ra các phương án để phục hồi hoạt động kinh doanh cho doanh nghiệp có vai trò đặc biệt quan trọng để thực hiện mục đích này. Chỉ khi nào doanh nghiệp thực hiện phương án phục hồi hoạt động kinh doanh không thành công thì tòa án mới tuyên bố doanh nghiệp bị phá sản.
- Tuy nhiên, thủ tục phục hồi hoạt động kinh doanh không bắt buộc phải thực hiện trong tất cả các trường hợp giải thể. Nếu tình trạng mất khả năng thanh toán của doanh nghiệp quá trầm trọng thì tòa án có thể tuyên bố doanh nghiệp bị phá sản ngay mà không cần nhất thiết phải tiến hành phục hồi hoạt động kinh doanh.
- Sau khi doanh nghiệp bị tuyên bố phá sản, chủ sở hữu doanh nghiệp sẽ được giải phóng khỏi nghĩa vụ nợ nếu đó là chủ thể được hưởng quy chế trách nhiệm hữu hạn khi còn là thành viên doanh nghiệp. Ngược lại, những thành viên doanh nghiệp hưởng quy chế trách nhiệm vô hạn thì không được giải phóng nghĩa vụ này ngay cả khi doanh nghiệp đã tuyên bố phá sản.

CÂU HỎI CUỐI BÀI

1. Phân tích cơ sở lý thuyết của pháp luật cạnh tranh.
2. Chủ thể nào có quyền nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản?
3. Phân tích các bước tiến hành thủ tục phá sản.

CÂU HỎI ÔN TẬP

1. Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thực hiện Quyết định nào khi gặp tình huống sau: Sau khi toà án thụ lý hồ sơ yêu cầu mở thủ tục phá sản, doanh nghiệp không còn tài sản hay còn nhưng không đủ thanh toán phí phá sản.
 - a) Tuyên bố phá sản doanh nghiệp
 - b) Quyết định thanh lý tài sản
 - c) Quyết định giải thể doanh nghiệp
2. Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thực hiện Quyết định nào khi gặp tình huống sau: Hết thời hạn thực hiện phương án tổ chức lại hoạt động SXKD mà không có hiệu quả.
 - a) Tuyên bố phá sản doanh nghiệp
 - b) Quyết định thanh lý tài sản
 - c) Quyết định giải thể doanh nghiệp
3. Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thực hiện Quyết định nào khi gặp tình huống sau: Chủ hoặc đại diện hợp pháp của doanh nghiệp không có mặt tại hội nghị chủ nợ để trình bày những phương án và trả lời những câu hỏi do hội nghị chủ nợ đưa ra.
 - a) Tuyên bố phá sản doanh nghiệp
 - b) Quyết định thanh lý tài sản
 - c) Quyết định giải thể doanh nghiệp
4. Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thực hiện Quyết định nào khi gặp tình huống sau: Trong quá trình thực hiện phương án hoà giải và tổ chức lại hoạt động SXKD phát hiện thấy doanh nghiệp có những vi phạm nghiêm trọng những thoả thuận đã ký kết.
 - a) Tuyên bố phá sản doanh nghiệp
 - b) Quyết định thanh lý tài sản
 - c) Quyết định giải thể doanh nghiệp
5. Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thực hiện Quyết định nào khi gặp tình huống sau: Tại hội nghị chủ nợ, doanh nghiệp không đưa ra phương án hoà giải và tổ chức lại hoạt động SXKD.
 - a) Tuyên bố phá sản doanh nghiệp
 - b) Quyết định thanh lý tài sản
 - c) Quyết định giải thể doanh nghiệp
6. Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thực hiện Quyết định nào khi gặp tình huống sau: Hội nghị chủ nợ triệu tập lần 2 mà không đủ số đại biểu đại diện cho 2/3 tổng nợ không bảo đảm.
 - a) Tuyên bố phá sản doanh nghiệp
 - b) Quyết định thanh lý tài sản
 - c) Quyết định giải thể doanh nghiệp
7. Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thực hiện Quyết định nào khi gặp tình huống sau: Kết thúc thời hạn hoạt động ghi trong điều lệ, doanh nghiệp không có đơn xin gia hạn.
 - a) Tuyên bố phá sản doanh nghiệp

- b) Quyết định thanh lý tài sản
 - c) Quyết định giải thể doanh nghiệp
8. Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thực hiện Quyết định nào khi gặp tình huống sau: Công ty không đủ số lượng thành viên theo quy định trong 6 tháng liên tục.
- a) Tuyên bố phá sản doanh nghiệp
 - b) Quyết định thanh lý tài sản
 - c) Quyết định giải thể doanh nghiệp

CÂU HỎI THƯỜNG GẶP

1. Phá sản và giải thể doanh nghiệp giống và khác nhau như thế nào?
2. Khi doanh nghiệp lâm vào tình trạng phá sản thì doanh nghiệp mất khả năng thanh toán nợ đến hạn.
3. Phục hồi hoạt động kinh doanh có phải là thủ tục bắt buộc thực hiện trong mọi trường hợp giải quyết phá sản doanh nghiệp hay không?
4. Doanh nghiệp bị tuyên bố phá sản thì chủ doanh nghiệp có được giải phóng khỏi các nghĩa vụ nợ không?

BÀI TẬP TÌNH HUỐNG

Ông A có hùn vốn với 2 ông B và C với tỷ lệ sau:

Ông A: 30%

Ông B: 38%

Ông C: 32%

để thành lập một công ty TNHH. Công ty đã được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, đã có mã số thuế. Công ty do ông B đại diện làm giám đốc.

Trong quá trình làm việc, ông B có một số cử chỉ gian lận trong công việc, cả 2 ông A và ông C đều không hài lòng. Ông A có ý định muốn làm giám đốc thay cho ông B nhưng có quy định nào nói về việc thay đổi giám đốc được không? Ông A và ông C muốn phá sản công ty hoặc rút vốn ra khỏi Công ty, nhưng ông B không đồng ý.

Có quy định nào để ràng buộc ông B chịu phá sản không? Nếu muốn phá sản thì phải có sự đồng ý của mấy bên?